

Số: 15/2018/QĐST-DS

Cao Bằng, ngày 20 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **10/2018/TLST-DS** ngày 20 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Triệu Thị B

Nơi cư trú: Tổ 3, phường SB, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- *Bị đơn:*

1. Đinh Ngọc L

Nơi cư trú: Tổ 32, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Đàm Thị A

Nơi cư trú: Tổ 32, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải thanh toán:** Ông Đinh Ngọc L và bà Đàm Thị A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Triệu Thị B số tiền nợ gốc còn lại là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và số tiền lãi là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông L và bà A phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho bà B là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*).

- **Về phương thức thanh toán:** Các đương sự thống nhất thanh toán theo

hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ ngày Quyết định Công nhận thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (Ngày 20/8/2018) đến 01/10/2018, ông L và bà A phải trả cho bà B số tiền là 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng).

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 02/10/2018 đến ngày 24/01/2019 ông L và bà A phải trả cho bà B số tiền còn lại là 124.000.000đ (*Một trăm hai mươi tư triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Bà Triệu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước với số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà B đã nộp là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000337 ngày 12/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ông Đinh Ngọc L và bà Đàm Thị A cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước với số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS TPCB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng